

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 30 /2013/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 11 tháng 11 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp về tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp, cập nhật, rà soát thông tin Lý lịch tư pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Lý lịch tư pháp ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp về tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp, cập nhật, rà soát thông tin Lý lịch tư pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

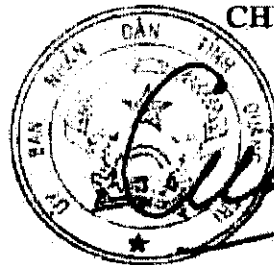
Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Công an tỉnh, Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự, Thủ trưởng các cơ quan liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh phối hợp thực hiện Quyết định này. / *ĐK*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm LLTPQG - Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Chánh, PVP UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Nội vụ;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Cường

QUY CHẾ

**Phối hợp về tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp, cập nhật,
rà soát thông tin Lý lịch tư pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị
(Ban hành kèm theo Quyết định số 30 /2013/QĐ-UBND
ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)**

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định trách nhiệm và mối quan hệ phối hợp trong việc tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp, cập nhật, rà soát thông tin lý lịch tư pháp giữa các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Lý lịch tư pháp, các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành.

2. Các cơ quan, tổ chức được quy định trong Quy chế này bao gồm: Sở Tư pháp; cơ quan Công an, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, Thi hành án dân sự (cấp tỉnh và cấp huyện) và các cơ quan, tổ chức có liên quan trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Việc phối hợp dựa trên quy định pháp luật, bảo đảm nguyên tắc phát huy tính chủ động, trách nhiệm và hỗ trợ lẫn nhau trên cơ sở thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp, cập nhật, rà soát thông tin lý lịch tư pháp, bảo đảm chính xác, kịp thời, đầy đủ, đúng trình tự thủ tục.

**Chương II
TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN PHỐI HỢP
CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC**

Điều 3. Trách nhiệm chung

1. Cơ quan Công an, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, cơ quan Thi hành án dân sự và cơ quan, tổ chức liên quan trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin lý lịch tư pháp đầy đủ, chính xác, đúng trình tự, thủ tục cho cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp (Sở Tư pháp, Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia) theo quy định của Luật Lý lịch tư pháp, Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp và Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp và các quy định khác có liên quan.

2. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về dân cư, hộ tịch, hộ khẩu, chứng minh nhân dân có trách nhiệm phối hợp cung cấp, xác minh, rà soát thông tin cần thiết theo đề nghị của Sở Tư pháp về nhân thân của người bị kết án, người bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã để cập nhật thông tin lý lịch tư pháp.

3. Trường hợp thông tin lý lịch tư pháp chưa đầy đủ hoặc có sự có sai sót, Sở Tư pháp đề nghị cơ quan, tổ chức đã cung cấp thông tin bổ sung, đính chính. Các cơ quan được đề nghị có trách nhiệm cung cấp thông tin cho Sở Tư pháp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị bổ sung, đính chính.

4. Định kỳ hàng quý, Sở Tư pháp phối hợp với các cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát nhân dân, Thi hành án dân sự, Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh, Công an cấp huyện (Bộ phận thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp) để thực hiện rà soát về số lượng thông tin lý lịch tư pháp đã cung cấp theo quy định tại Điều 13, Điều 14, khoản 3 Điều 15, khoản 4 Điều 16, Điều 17, Điều 20, Điều 21, Điều 22 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP.

5. Các cơ quan, tổ chức khi báo cáo định kỳ hoặc đột xuất những vấn đề có liên quan đến phạm vi áp dụng của Quy chế này cho cơ quan có thẩm quyền đồng thời, gửi Sở Tư pháp một bản để theo dõi trong công tác quản lý Nhà nước về lý lịch tư pháp.

Điều 4. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Tiếp nhận thông tin lý lịch tư pháp do Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan Công an, Thi hành án dân sự và các cơ quan, tổ chức có liên quan cung cấp và cập nhật đầy đủ, chính xác, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Lý lịch tư pháp, các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành.

2. Đề nghị các cơ quan, đơn vị liên quan tra cứu, xác minh, cung cấp thêm thông tin lý lịch tư pháp về án tích, thông tin lý lịch tư pháp liên quan đến bản án hình sự, quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm và quyết định thi hành án hình sự, thông tin lý lịch tư pháp liên quan đến việc đặc xá, thông tin lý lịch tư pháp liên quan đến việc thi hành án phạt trục xuất, thông tin lý lịch tư pháp liên quan đến việc thi hành án dân sự, thông tin lý lịch tư pháp liên quan đến việc chấp hành xong án phạt cải tạo không giam giữ, án treo và các hình phạt bổ sung, thông tin lý lịch tư pháp về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã để lập Lý lịch tư pháp của người bị kết án và xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch về án tích theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Lý lịch tư pháp, Điều 8, Điều 10, Điều 11, Điều 12 và Điều 13 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp.

3. Trong quá trình cập nhật thông tin lý lịch tư pháp, trường hợp các thông tin về nhân thân của người bị kết án, người bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã có điểm chưa rõ ràng, chính xác thì Sở Tư pháp có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu về dân cư, cơ quan quản lý, đăng ký hộ tịch; cơ quan đăng ký, quản lý cư trú; cấp, quản lý chứng minh nhân dân xác minh, làm rõ để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp chính xác, rõ ràng.

4. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan điều tra, cơ quan Thi hành án dân sự, cơ quan, tổ chức khác có liên quan để xác minh làm rõ về việc người bị kết án có đang bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử hay không để cập nhật thông tin vào Lý lịch tư pháp của người bị kết án; về điều kiện đương nhiên được xóa án tích của người bị kết án theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 17 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP.

5. Trong trường hợp khẩn cấp theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, ngay sau khi nhận được yêu cầu, Sở Tư pháp phối hợp với cơ quan Công an thực hiện tra cứu thông tin lý lịch tư pháp của đương sự và cấp Phiếu lý lịch tư pháp trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm nhận được yêu cầu.

6. Định kỳ hàng năm, Sở Tư pháp thực hiện việc thống kê, báo cáo cho Bộ Tư pháp và Ủy ban nhân dân tỉnh về hoạt động quản lý lý lịch tư pháp trên địa bàn tỉnh.

Điều 5. Trách nhiệm của cơ quan Công an

1. Đối với thông tin có trước ngày 01/7/2010:

a) Việc tra cứu thông tin lý lịch tư pháp về án tích có trước ngày 01/07/2010 được thực hiện tại cơ sở dữ liệu của ngành Công an theo văn bản đề nghị tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin của Sở Tư pháp để lập cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và cấp Phiếu lý lịch tư pháp. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Phiếu xác minh lý lịch tư pháp, Công an cấp tỉnh thực hiện tra cứu thông tin về tình trạng án tích của đương sự và gửi cho Sở Tư pháp kết quả tra cứu; trường hợp phải tra cứu thông tin trong hệ thống hồ sơ, tàng thư của Bộ Công an thì thời hạn không quá 09 ngày làm việc.

b) Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh nơi người bị kết án đã chấp hành xong hình phạt, được đặc xá, đại xá thực hiện tra cứu, xác minh để cung cấp thông tin về việc chấp hành xong án phạt tù, được đặc xá, đại xá có trước ngày 01 tháng 7 năm 2010 để lập Lý lịch tư pháp của người bị kết án theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp

c) Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an tỉnh thực hiện cung cấp thông tin về việc thi hành án phạt trục xuất trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp.

2. Đối với thông tin có từ ngày 01/7/2010:

a) Công an cấp tỉnh tiếp tục tra cứu thông tin lý lịch tư pháp về án tích theo đề nghị của Sở Tư pháp đối với những thông tin có từ ngày 01/7/2010 nhưng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp của Sở Tư pháp chưa đảm bảo đầy đủ phục vụ việc tra cứu để đáp ứng kịp thời yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Phiếu xác minh lý lịch tư pháp, Công an cấp tỉnh thực hiện tra cứu thông tin về tình trạng án tích của đương sự và gửi cho Sở Tư pháp kết quả tra cứu; trường hợp phải tra cứu thông tin trong hệ thống hồ sơ, tàng thư của Bộ Công an thì thời hạn không quá 09 ngày làm việc.

b) Công an cấp huyện (Bộ phận thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp) có nhiệm vụ cung cấp các thông tin sau đây:

- Giấy chứng nhận đã chấp hành xong thời gian thử thách án treo, án phạt cải tạo không giam giữ cho Sở Tư pháp nơi Tòa án đã ra quyết định thi hành án có trụ sở trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 62, khoản 3 Điều 73 Luật Thi hành án hình sự;

- Giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt cấm cư trú, án phạt quản chế, án phạt tước một số quyền công dân, án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định cho Sở Tư pháp nơi cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trụ sở trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 4 Điều 82, khoản 3 Điều 89, khoản 5 Điều 103 và khoản 5 Điều 107 Luật Thi hành án hình sự.

3. Thực hiện tra cứu thông tin lý lịch tư pháp của đương sự trong trường hợp khẩn cấp theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng quy định tại khoản 3 Điều 25 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP và cung cấp thông tin cho Sở Tư pháp để cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

Điều 6. Trách nhiệm của cơ quan Tòa án

1. Đối với thông tin có trước ngày 01/7/2010:

a) Trường hợp sau khi đã tra cứu thông tin lý lịch tư pháp về án tích tại cơ quan Công an mà vẫn chưa đủ căn cứ để kết luận hoặc nội dung về tình trạng án tích của đương sự có điểm chưa rõ ràng, chưa đầy đủ, cần thêm thông tin về tội danh, điều khoản luật được áp dụng, hình phạt chính, hình phạt bổ sung, nghĩa vụ dân sự, tình trạng thi hành án của người bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật thì Sở Tư pháp đề nghị Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án cung cấp bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật; trường hợp vụ án được xét xử phúc thẩm thì đề nghị Tòa án đã xét xử phúc thẩm cung cấp bản án phúc thẩm và bản án sơ thẩm theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 4 và Điều 5, Điều 6, Điều 11, Điều 21 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP (sau đây gọi là thông tư liên tịch số 04/2012). Tòa án đã xét xử sơ thẩm hoặc phúc thẩm có trách nhiệm xác minh, tra cứu hồ sơ án lưu và gửi kết quả cho Sở Tư pháp.

Thời hạn cung cấp thông tin để lập lý lịch tư pháp là 15 ngày làm việc (cung cấp thông tin theo Điều 4, Điều 5 Thông tư liên tịch số 04/2012), 10 ngày làm việc (cung cấp thông tin theo Điều 6, Điều 11 Thông tư liên tịch số 04/2012) và cung cấp thông tin để cấp Phiếu lý lịch tư pháp là 05 ngày làm việc (cung cấp thông tin theo Điều 21 Thông tư liên tịch số 04/2012), kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp.

b) Trường hợp Sở Tư pháp xét thấy cần thiết và chủ động liên hệ với Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án để đề nghị cung cấp trích lục bản án làm căn cứ lập lý lịch tư pháp thì Tòa án có trách nhiệm gửi trích lục bản án đó cho Sở Tư pháp trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp.

c) Trường hợp cần xác định các thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã để cấp phiếu lý lịch tư pháp, Sở Tư pháp liên hệ với Tòa án đã giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản để tra cứu thông

tin. Thời hạn tra cứu thông tin không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp.

2. Đối với thông tin có từ ngày 01/7/2010:

Tòa án nhân dân tỉnh và Tòa án nhân dân cấp huyện có trách nhiệm cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích và thông tin lý lịch tư pháp về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã cho Sở Tư pháp đầy đủ, chính xác, đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 16, Điều 37 Luật Lý lịch tư pháp; Điều 13, Điều 14 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành. Thời hạn gửi các trích lục bản án, quyết định, giấy chứng nhận là 10 ngày làm việc, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày cấp giấy chứng nhận.

3. Trong trường hợp cần thiết, phối hợp xác minh để làm rõ về việc người bị kết án có đang bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử để cập nhật thông tin vào Lý lịch tư pháp của người bị kết án theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 17 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP; về điều kiện đương nhiên được xóa án tích của người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp.

Điều 7. Trách nhiệm của Viện Kiểm sát nhân dân

1. Viện kiểm sát nhân dân đã ra quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù trong trường hợp kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm có trách nhiệm gửi quyết định đó cho Sở Tư pháp trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP.

2. Phối hợp xác minh để làm rõ về việc người bị kết án có đang bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử để cập nhật thông tin vào Lý lịch tư pháp của người bị kết án theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 17 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP; về điều kiện đương nhiên được xóa án tích của người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp.

Điều 8. Trách nhiệm của cơ quan Thi hành án dân sự

1. Tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp có trước ngày 01 tháng 7 năm 2010 theo quy định khoản d Điều 4, Điều 8 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp.

2. Cơ quan Thi hành án dân sự có trách nhiệm gửi cho Sở Tư pháp: Quyết định thi hành hình phạt tiền, tịch thu tài sản, án phí và các nghĩa vụ dân sự khác của người bị kết án; quyết định đình chỉ thi hành án; giấy xác nhận kết quả thi hành án; văn bản thông báo kết thúc thi hành án trong trường hợp người bị kết án đã thực hiện xong nghĩa vụ của mình, trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ra Quyết định, cấp giấy xác nhận hoặc kể từ ngày người bị kết án đã thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án.

3. Phối hợp xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích của người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp trong thời hạn 07 ngày làm việc khi nhận được

văn bản đề nghị của Sở Tư pháp.

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã khi ban hành quyết định cho phép thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên có trách nhiệm gửi bản chính hoặc bản sao quyết định cho Sở Tư pháp trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn khi cấp giấy chứng tử có trách nhiệm gửi bản sao giấy chứng tử cho Sở Tư pháp trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy chứng tử.

3. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đã chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ, phạt tù cho hưởng án treo và các hình phạt bổ sung có trách nhiệm gửi giấy chứng nhận cho Sở Tư pháp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày cấp giấy chứng nhận.

Điều 10. Trách nhiệm thực hiện xác minh đương nhiên xóa án tích cho người bị kết án

1. Trong trường hợp người bị kết án đã có đủ thời gian để đương nhiên được xóa án tích theo quy định của Bộ luật Hình sự, nhưng chưa nhận được giấy chứng nhận xóa án tích của Tòa án thì Sở Tư pháp có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện việc xác minh điều kiện đương nhiên được xóa án tích cho người đã bị kết án theo quy định để cập nhật thông tin Lý lịch tư pháp và cấp Phiếu lý lịch tư pháp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 33, khoản 3 Điều 44 Luật Lý lịch tư pháp và khoản 1 Điều 17 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010 của Chính phủ.

2. Việc xác minh điều kiện đương nhiên được xóa án tích cho người đã bị kết án được thực hiện tại Tòa án nhân dân, cơ quan Thi hành án dân sự, UBND cấp xã và cơ quan tiến hành tố tụng có liên quan. Thời hạn cung cấp thông tin là 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp.

Điều 11. Trách nhiệm cung cấp thông tin về người đã bị kết án được xóa án tích theo quy định Bộ luật Hình sự

1. Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, cơ quan điều tra cung cấp thông tin liên quan về việc người bị kết án có đang bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử hay không, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp.

2. UBND xã, phường, thị trấn, cơ quan, tổ chức nơi người bị kết án cư trú, làm việc sau khi chấp hành xong bản án có trách nhiệm xác minh và cung cấp thông tin về việc người bị kết án có bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử trong thời hạn đang có án tích hay không, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí nhằm đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị cho hoạt động quản lý lý lịch tư pháp tại địa phương theo quy định tại Luật Lý lịch tư pháp và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung biên chế hành chính cho Sở Tư pháp trong việc thực hiện quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp và xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Quyết định số 2369/QĐ-TTg ngày 28/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Xây dựng Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia và kiện toàn tổ chức thuộc Sở Tư pháp để xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp".

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Khen thưởng, xử lý vi phạm

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Quy chế này được xét khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ thực hiện các quy định tại Quy chế này nhưng vi phạm hoặc không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo các quy định thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị kiểm điểm, xử lý trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Các cơ quan, tổ chức theo trách nhiệm được phân công, tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị liên quan kịp thời báo cáo, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp) để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Cường